Contents

[Client API 1](#_Toc407346154)

[API\_R001: Đăng nhập qua 3G - *(User Interface diagram)* 2](#_Toc407346155)

[API\_R002: Đăng nhập qua wifi - *(User Interface diagram)* 2](#_Toc407346156)

[API\_R003: Danh sách nội dung dịch vụ - *(User Interface diagram)* 3](#_Toc407346157)

[API\_R004: Danh sách dịch vụ tiện ích - *(User Interface diagram)* 4](#_Toc407346158)

[API\_R005: Chi tiết dịch vụ - *(User Interface diagram)* 4](#_Toc407346159)

[API\_R006: Thông tin cá nhân - *(User Interface diagram)* 5](#_Toc407346160)

[API\_R007: Cập nhật thông tin - *(User Interface diagram)* 6](#_Toc407346161)

[API\_R008: Lịch sử giao dịch - *(User Interface diagram)* 6](#_Toc407346162)

[API\_R009: Báo cáo chi tiết 7](#_Toc407346163)

[API\_R010: Hướng dẫn bán hàng - *(User Interface diagram)* 8](#_Toc407346164)

[API\_R011: Đồng bộ danh bạ lên - *(User Interface diagram)* 9](#_Toc407346165)

[API\_R012: Đồng bộ danh bạ xuống - *(User Interface diagram)* 10](#_Toc407346166)

[API\_R013: Lấy lại token - *(User Interface diagram)* 10](#_Toc407346167)

[API\_R015: Mời theo dịch vụ - *(User Interface diagram)* 12](#_Toc407346168)

[API\_R016: Mời theo theo thuê bao - *(User Interface diagram)* 12](#_Toc407346169)

[API\_R017: Đăng ký dịch vụ - *(User Interface diagram)* 13](#_Toc407346170)

[API\_R018: Tải nội dung dịch vụ - *(Custom diagram)* 14](#_Toc407346171)

[API\_R019: Kiểm tra điều kiện thuê bao - *(Custom diagram)* 14](#_Toc407346172)

[API\_R020: Kiểm tra điều kiện với nhiều thuê bao - *(Custom diagram)* 15](#_Toc407346173)

[API\_R021: Mời sử dụng app - *(User Interface diagram)* 17](#_Toc407346174)

[API\_R022: Danh sách mẫu tin nhắn - *(User Interface diagram)* 18](#_Toc407346175)

# Client API

Type: Package

Status: Proposed. Version 1.0. Phase 1.0.

**Client API** - *(User Interface diagram)*

Đường dẫn chính URL API: http:// 192.168.174.51:8088/api.php/

Các hàm được mô tả bên dưới có tên ghi bên cạnh, khi sử dụng ghép lại, ví dụ [http://abc.com/api.php/getAuthenticate](http://abc.com/getAuthenticate%20)

Client [HTTP request]

Service [HTTP response: JSON format]

Cấu trúc Json:

+ errorCode: Mã lỗi trả về (0 là thành công, -1 là token expire, còn lại là thất bại).

+ message: Thông báo lỗi,

+ data: dữ liệu kèm theo

**Các mã lỗi chung:**

401 – Unauthorized ( Xác thực thất bại )

403 – Forbidden ( Không có quyền truy cập)

440 – Token has expired (Token đã hết hạn)

405 – Method not allowed (Phương thức truy cập không hợp lệ)

408 – Request timeout (Sử dụng trong trường hợp call service core bị timeout)

410 – Wrong Parametter (Sử dụng trong trường hợp tham số truyền vào sai)

# API\_R001: Đăng nhập qua 3G - *(User Interface diagram)*

**URL:** /authenticate

**Đầu vào:**

* Method: Get

**Đầu ra:**

* errorCode(int):

0 – thành công

401 – Xác thực thất bại

* message(String): Thông báo lỗi
* token(String): Mã sinh ra sau khi authenticate thành công được số điện thoại
* keyRefresh(String): key của token
* phone (String): số điện thoại nhận dạng được
* Chuỗi Json trả về: {“errorCode”:0,”message”:”ok”,”token”:”12323426”,”keyRefresh”:”1234”,” phone”:”0982747485”}

# API\_R002: Đăng nhập qua wifi - *(User Interface diagram)*

**Mô tả:**

Dealer đăng nhập bằng số điện thoại vào hệ thống.

#### <anonymous>

Type: **Note**

Status: Proposed. Version 1.0. Phase 1.0.

**URL:** /signin

**Đầu vào**

* Method: Get
* p: password trả về từ sms
* u: số điện thoại

**Đầu ra**

* errorCode: 0 – thành công; 401 – Đăng nhập thất bại
* message(String): Thông báo lỗi
* token(String): Mã sinh ra sau khi sign-in thành công
* keyRefresh(String): key của token
* phone (string): số điện thoại nhận dạng được
* Chuỗi Json trả về: {“errorCode”:0,”message”:”thành công”,”token”:”12323426”,”keyRefresh”:”439”,”phone\_number”:”0982747485”}

# API\_R003: Danh sách nội dung dịch vụ - *(User Interface diagram)*

**URL:** /contentService

**Đầu vào:**

* Method: Get
* service: loại dịch vụ (type = 0 bài hát, type = 1 video).
* type: loại nội dung (type\_content = 0 mới nhất, type\_content = 1 hot nhất).
* token: token

**Đầu ra:**

* errorCode(Integer): mã lỗi trả về

- 0 : Lấy nội dung dịch vụ thành công

- 1 : Loại dịch vụ không hợp lệ

- 2 : Loại nội dung không hợp lệ

* message(String): Thông báo lỗi
* data:

- id(String): Id bài hát

- avatar(String): Ảnh đại diện video

- name(String): Tên bài hát

- code(String): mã bài hát

- price(String): giá tiền bài hát

- download\_number(String): lượt tải

- url\_data: Link tới dữ liệu

* Chuỗi Json trả về: {“errorCode”:0,”message”:”thành công” ,”data”:” [{ ” song\_icon”:”http//abc.png”,”song\_name”:”Mùa xuân quê hương ” ,”song\_code”:”7668”
* ,”song\_price”:”5000đồng”,” download\_number”:”125”}]”}

**-Luông phụ:**

Param truyền vào sai:

+ Nếu sai param dịch vụ trả về mã lỗi 1 + Thông báo "Sai dịch vụ"

+ Nếu sai param dịch vụ trả về mã lỗi 1 + Thông báo "Sai loại dịch vụ"

- Nếu mã webservice trả về != 0 -> Trả về mã lỗi theo ws và thông báo "Lấy nội dung dịch vụ thất bại"

# API\_R004: Danh sách dịch vụ tiện ích - *(User Interface diagram)*

**URL**: /utilitiServices

**Đầu vào:**

* Method: Get
* token: token
* page: trang cần lấy
* max\_per\_page: số bản ghi tối đa trên trang

**Đầu ra:**

* errorCode(Integer): mã lỗi trả về
* message(String): Thông báo lỗi
* last\_page: trang cuối cùng
* data:

- service\_name(String): Tên dịch vụ

- service\_code(String): mã dịch vụ

- service\_icon(String): link chứa ảnh của service

- service\_content(String): nội dung dịch vụ

- service\_guide(String): hướng dâñn mời dịch vụ

- service\_price(String): giá dịch vụ

- service\_status(String): trạng thái dịch vụ ( nếu service\_status = 0 đã đăng ký, service\_status = 1 chưa đăng ký ).

* Chuỗi Json trả về: {“errorCode”:0,”message”:”thành công” ,”data”:[{”service\_icon”:”http//abc.png”,”service\_name”:”Imuzik”, “service\_code”:”123”,”service\_content”:”dịch vụ”,”service\_guide”:”abc”, “service\_price”:”400”, “download\_number”:”34”}] }

**Luồng phụ:**

**-** Nếu page không phải số nguyên hoặc page < 1 -> Trả về mã lỗi 101 + Thông báo "Số trang không hợp lệ"

**-** Nếu max\_per\_page không phải số nguyên hoặc max\_per\_page < 1 -> Trả về mã lỗi 102+ Thông báo "Số bản ghi trên trang không hợp lệ"

# API\_R005: Chi tiết dịch vụ - *(User Interface diagram)*

**URL**: /utilitiServiceDetail

**Đầu vào:**

* Method: Get
* service\_code(String): mã dịch vụ
* token: token

**Đầu ra:**

* errorCode(Integer):

0 – Thành công

404 – Dịch vụ không tồn tại

* message(String): Thông báo lỗi
* service\_name(String): Tên dịch vụ
* service\_code(String): mã dịch vụ
* service\_icon(String): link chứa ảnh của service
* service\_content(String): nội dung dịch vụ
* service\_guide(String): hướng dẫn mời dịch vụ
* service\_price(String): giá dịch vụ
* Chuỗi Json trả về: {“errorCode”:0,”message”:”thành công” ,”service\_icon”:”http//abc.png”,”service\_name”:”Imuzik”, “service\_code”:”123”,”service\_content”:”dịch vụ”,”service\_guide”:”abc”, “service\_price”:”400”, “download\_number”:”34” }

**Luồng phụ:**

**-** Không lấy được thông tin dịch vụ -> Trả về mã lỗi 404 và thông báo "Không tìm thấy dịch vụ"

# API\_R006: Thông tin cá nhân - *(User Interface diagram)*

**URL: /**userInfor

**Đầu vào:**

* Method: Get
* token: token

**Đầu ra:**

* errorCode(Integer):

0 - Thành công

* message(String): Thông báo lỗi
* fullname(String): họ và tên.
* birthday(String): ngày sinh
* address(String): địa chỉ
* exchange\_number(String): số giao dịch thành công.
* exchange\_number\_month(String): Số giao dịch thành công trong tháng.
* poundage(String): tiền hoa hồng
* poundage\_month(String): tiền hoa hồng trong tháng
* Chuỗi Json trả về: {“errorCode”:0,”message”:”thành công” ,”fullname”:”Lê Cao Cường”,” birthday”:”16/12/1985”,” Address”:”Nghệ An”, “exchange\_number”:”126”, “exchange\_number\_month”:”26”, “poundage” : “50000 đồng”, “poundage\_month” : “10000 đồng” }

**Luồng phụ:**

**- Trả về:**

+ Mã lỗi 404

+ Thông báo "Không tìm thấy thông tin"

# API\_R007: Cập nhật thông tin - *(User Interface diagram)*

**URL**: /editUserInfor

**Đầu vào:**

* Method: Post
* fullname(String): họ và tên
* birthday(String): ngày sinh
* address(String): địa chỉ
* nickname(String): nick name cần đăng ký
* token: token
* **note**: các trường gửi lên có thể null.

**Đầu ra:**

* errorCode(Integer):

0 - Cập nhật thành công

1 - Cập nhật thất bại

* message(String): Thông báo lỗi
* Chuỗi Json trả về: {“errorCode”:0,”message”:”thành công” }
* Trường hợp lỗi, sẽ thông báo lỗi trên từng trường

VD:

{

"errorCode":1, //Mã lỗi

"message":"Failure", //Thông báo lỗi

"errorMessage":{ // Mảng danh sách các trường lỗi

"birthday":"birthday không hợp lệ (yêu cầu định dạng dd/mm/yyyy)."//Các trường lỗi cụ thể

}

}

**Luồng phụ:**

- Không lấy được thông tin Dealer từ session -> Trả về mã lỗi 1 + Thông báo "Thất bại"

- Thông tin nhập vào không chính xác -> Trả về mã lỗi 1 + Thông báo lỗi validate form

- nickname chứa từ xấu -> trả về mã lỗi 2 + thông báo validate form.

- Lưu vào DB không thành công -> Trả về mã lỗi 1 + Thông báo lỗi exception

# API\_R008: Lịch sử giao dịch - *(User Interface diagram)*

**URL:** /historySale

**Đầu vào:**

* Method: Get
* from (String): Thời gian bắt đầu bán
* to (String): Thời gian kết thúc bán
* service (String): mã dịch vụ bán (nếu service = null thì tra cứu cho tất cả các dịch vụ)
* status(String): Trạng thái (status: 1 thành công, 2 thất bại, null - tất cả)
* customer (String): số điện thoại khách hàng (customer = null thì tra cứu lịch sử bán hàng cho tất cả các số điện thoại)
* page : trang cần lấy
* max\_per\_page : số bản ghi tối đa trên trang
* token: token

**Đầu ra:**

* errorCode(Integer): mã lỗi trả về
* message(String): Thông báo lỗi
* last\_page: trang cuối cùng
* data:

- service\_name(String): tên dịch vụ.

- price(String): Giá cước.

- commission(String): hoa hồng

- time\_sale(String): Thời gian bán

- time\_return(String): thời gian trả về

- status(String): trạng thái (status: 0 thành công, 1 thất bại)

- phone\_custom(String): số điện thoại khách hàng

* Chuỗi Json trả về: {“errorCode”:0,”message”:”ok”,”data”:[{“service\_name”:”Imuzik”,”price”:”9000đ","commission":4000đ”,”time\_sale”:”18/06/2013”,”time\_return”:”18/07/2013”, “status”:”0”, ”phone\_custom”:”098274744}]}

**Luồng phụ:**

**-** Nếu page không phải số nguyên hoặc page < 1 -> Trả về mã lỗi 101 + Thông báo "Số trang không hợp lệ"

**-** Nếu max\_per\_page không phải số nguyên hoặc max\_per\_page < 1 -> Trả về mã lỗi 102+ Thông báo "Số bản ghi trên trang không hợp lệ"

- Không lấy được thông tin Dealer từ session -> Trả về mã lỗi 404 + Thông báo "Không tìm thấy đối tượng"

- Dữ liệu lọc báo cáo không đúng -> Trả về mã lỗi 1 + Thông báo "Lấy báo cáo thất bại"

# API\_R009: Báo cáo chi tiết

**URL**: /report

**Đầu vào:**

* Method: Get
* service (String): mã dịch vụ( nếu service = null thì tra cứu cho tất cả các dịch vụ).
* duration (String): khoảng thời gian cần tra cứu(1 là trong tháng, 2 là tất cả)
* page : trang cần lấy
* max\_per\_page : số bản ghi tối đa trên trang
* token: Token

**Đầu ra:**

* errorCode(Integer):

0 – thành công

1 - Thời gian không hợp lệ

2 – Số trang không hợp lệ

3 – Số bản ghi tối đa trên trang không hợp lệ

**NOTE:** Các trường lỗi sẽ được trả về kèm trong :

errorMessage = [

{“field”: “message lỗi tương ứng từng field”},

{“field”: “message lỗi tương ứng từng field”}

]

* message(String): Thông báo lỗi
* last\_page: trang cuối cùng
* data:

- service\_name(String): tên dịch vụ.

- exchange\_success\_number(String): tổng số lần giao dịch thành công.

- money\_sub\_number(String): tổng số thuê bao thu được phí.

- registry\_fail\_number(String): tổng số lần đăng ký dịch vụ thất bại.

- money\_total(String): tổng số tiền thu được của khách hàng.

- selling(String): phí bán hàng được hưởng

- selling\_receiver(String): Phí bán hàng đã nhận

- selling\_not\_receiver(String): phí bán hàng chưa nhận.

* Chuỗi Json trả về: {“errorCode”:0,”message”:”ok”,”data”:[{“service\_name”:”Imuzik”,” exchange\_success\_number”:”4”,” money\_sub\_number”:”4”,” registry\_fail\_number”:”4”, “money\_total”:”100 đồng”, ” selling”:”100 đồng”, “selling\_receiver”:”100 đồng”, ” selling\_not\_receiver”:”100 đồng”, }]}

**Luồng phụ:**

**-** Nếu page không phải số nguyên hoặc page < 1 -> Trả về mã lỗi 101 + Thông báo "Số trang không hợp lệ"

**-** Nếu max\_per\_page không phải số nguyên hoặc max\_per\_page < 1 -> Trả về mã lỗi 102+ Thông báo "Số bản ghi trên trang không hợp lệ"

- Không lấy được thông tin Dealer từ session -> Trả về mã lỗi 404 + Thông báo "Không tìm thấy đối tượng"

- Dữ liệu lọc báo cáo không đúng -> Trả về mã lỗi 1 + Thông báo "Lấy báo cáo thất bại".

# API\_R010: Hướng dẫn bán hàng - *(User Interface diagram)*

**URL**: /guideline

**Đầu vào:**

* Method: Get
* type: loại hướng dẫn (

4 : hướng dẫn bán hàng,

5: chính sách bán hàng,

6: quy trình bán hàng )

* token: Token

**Đầu ra:**

* errorCode(Int):

0 – Thành công

1 – Loại hướng dẫn không hợp lệ

* message(String): Thông báo lỗi
* guide\_text (String): Nội dung thông tin hướng dẫn bán hàng
* Chuỗi Json trả về: {“errorCode”:0,”message”:”thành công”,”guide\_text”:”hướng dẫn”}

**Luồng phụ:**

- Biến type không phải là số nguyên và ko có giá trị trong file cấu hình api/config/app.yml với key = app\_guideline\_type

-> Trả về mã lỗi 1 và thông báo "Loại tin tức ko hợp lệ"

- Không lấy được thông tin từ DB -> Trả về mã lỗi 404 và thông báo "Không thế tìm thấy hướng dẫn"

# API\_R011: Đồng bộ danh bạ lên - *(User Interface diagram)*

**URL: /**pushContact

**Đầu vào:**

* Method: Post
* contacts: mảng các danh bạ

[{“phone”: số điện thoại,

“name”: tên trong danh bạ}]

* token: token
* Chuỗi Json gửi lên

{“sid”:”token”, “data”:[{“number\_phone”:”abc”}, {“number\_phone”:”abc”}]}

**Đầu ra:**

* errorCode(Int): mã lỗi trả về
* message(String): Thông báo lỗi
* Chuỗi Json trả về: {“errorCode”:0,”message”:”thành công”}

**Luồng phụ:**

- Nếu bản ghi có name = null hoặc sđt ko đúng định dạng -> Ko lưu vào csdl

- Nếu tất cả danh bạ đã được đồng bộ -> Trả về mã lỗi 2 và thông báo "Tất cả danh bạ đã được đồng bộ"

- Nếu danh bạ không phải định dạng array hoặc không chứa một danh bạ hợp lệ (Không phải số Viettel) -> Trả về mã lỗi 1 và thông báo "Danh bạ ko hợp lệ"

# API\_R012: Đồng bộ danh bạ xuống - *(User Interface diagram)*

**URL**: /syncContact

**Đầu vào:**

* Method: Get
* token: Token
* phonenumber:số đt cần lấy
* page: số trang
* pagesize: số bản ghi trên trang

**Đầu ra:**

* errorCode(Int):

0 – Thành công

1 – Đồng bộ thất bại

* message(String): Thông báo lỗi
* data: mảng các danh bạ

- phone: số điện thoại

- name: tên trong danh bạ

- services: danh sách các dịch vụ đã đăng ký

id (String): id dịch vụ

service\_name(String): tên dịch vụ

service\_code(String): mã dịch vụ

service\_icon(String): link chứa ảnh icon dịch vụ.

* Chuỗi Json trả về: {“errorCode”:0,”message”:”thành công”,” data”:[{“number\_phone”:”098277”, “service”:{“service\_name”:”Imuzik”, “service\_code”:”9824”, “service\_icon”:”http://abc.png”}}] }

**Luồng phụ:**

**-** Nếu page không phải số nguyên hoặc page < 1 -> Trả về mã lỗi 101 + Thông báo "Số trang không hợp lệ"

**-** Nếu max\_per\_page không phải số nguyên hoặc max\_per\_page < 1 -> Trả về mã lỗi 102+ Thông báo "Số bản ghi trên trang không hợp lệ"

- Nếu không lấy được thông tin Dealer -> Trả về mã lỗi 404 + Thông báo "Dealer không tồn tại"

- Nếu không lấy được danh sách dịch vụ -> Trả về mã lỗi 1 + Thông báo "Đồng bộ danh bạ thất bại"

# API\_R013: Lấy lại token - *(User Interface diagram)*

**URL**: /retoken

**Đầu vào:**

* Method: Get
* key(String): key của token

**Đầu ra:**

* errorCode(Int):

0 – Thành công

1 – Key refresh không hợp lệ

* message(String): Thông báo lỗi
* token(String): token
* keyRefresh: key refresh token
* Chuỗi Json trả về: {“errorCode”:0,”message”:”thành công”,”token“:”432423”}

**Luồng xử lý:**

**1. Bước 1:**

**-** Kiểm tra xem keyRefresh có tồn tại hay ko

**2. Bước 2:**

**-** Generate lại token theo account hiện tại

- Lưu token vào bảng vt\_token\_session

+ Cập nhật bản ghi có vt\_token\_session.account = account hiện tại

* vt\_token\_session.token = token vừa tạo
* vt\_token\_session.key\_refresh = key vừa tạo
* vt\_token\_session.expired\_time = Thời gian hiện tại + Thời hạn (Lấy cấu hình trong file app.yml key = app\_token\_expired)

-> Trả về mã lỗi 0 + thông báo "Lấy lại token thành công"

**Luồng phụ:**

- Key ko tồn tại trong bảng vt\_token\_session -> Trả về mã lỗi 1 + Thông báo "Thất bại hoặc key không tồn tại"

**API\_R014: Tặng n**ộ**i dung** - *(User Interface diagram)*

**URL**: /presentContent

**Đầu vào:**

* Method: Post
* service\_type(String): Loại dịch vụ

0 – Bài hát

1 - Video

* service\_code(String): mã bài hát hoặc video
* phone\_recevier(String): số điện thoại người nhận
* token: Token

**Đầu ra:**

* errorCode(Int): mã lỗi trả về
* message(String): Thông báo lỗi
* Chuỗi Json trả về: {“errorCode”:0,”message”:”thành công”}

**Luồng phụ:**

- Param truyền vào sai:

+ Nếu sai param dịch vụ trả về mã lỗi 1 + Thông báo "Sai dịch vụ"

+ Nếu sai param dịch vụ trả về mã lỗi 1 + Thông báo "Sai loại dịch vụ"

- Nếu mã webservice trả về != 0 -> Trả về mã lỗi theo ws và thông báo "Lấy nội dung dịch vụ thất bại"

# API\_R015: Mời theo dịch vụ - *(User Interface diagram)*

**URL**: /inviteService

**Đầu vào:**

* Method: Post
* service\_code(String): mã dịch vụ
* customers (String): danh sách các số điện thoại cần mời cách nhau dấu phẩy. (contacts\_list: {“675”,”2342”})
* token: Token
* template\_id: mã template tin nhắn

**Đầu ra:**

* errorCode(Int): mã lỗi trả về (0 thành công, -1 là token expire, -2 thuê bao không hợp lệ )
* message(String): Thông báo lỗi
* customers\_fail (String): danh sách các thuê bao không hợp lệ. Dạng array.
* {“errorCode”:0,”message”:”bạn đã mời thành công”, “contacts\_list”:{”243”,”365”}}̃ mời thành công”, “contacts\_list”:{”243”,”365”}}

**Luồng phụ:**

- Nếu không lấy được thông tin Dealer -> Trả về mã lỗi 404 + Thông báo "Dealer không tồn tại"

- Nếu danh sách SĐT truyền vào sai -> Trả về mã lỗi 2 + Thông báo "Danh chứa số điện thoại không hợp lệ (Chỉ số Viettel)" + Danh sách SĐT lỗi

- Nếu gọi WS lỗi -> Trả về mã lỗi Exception + Thông báo "Lỗi quản lý kết nối"

- 601 - Thuê bao ngoai mang

- 602 - Thue bao DCOM.

# API\_R016: Mời theo theo thuê bao - *(User Interface diagram)*

**URL**: /inviteSubcriber

**Đầu vào:**

* Method: Post
* service\_code(String): ma dịch vụ cách nhau dấu phẩy (,)̃ dịch vụ
* customers (String): số điện thoại mời
* token: Token
* template\_id: mã template tin nhắn

**Đầu ra:**

* errorCode(Int): mã lỗi trả về (0 thành công, -1 là token expire, -2 thuê bao không hợp lệ )
* message(String): Thông báo lỗi
* customers\_fail (String): danh sách các thuê bao không hợp lệ. Dạng array.
* {“errorCode”:0,”message”:”thực hiện mời thành công"̃ mời thành công”, “contacts\_list”:{”243”,”365”}}̃ mời thành công”, “contacts\_list”:{”243”,”365”}}

**Luồng phụ:**

- Nếu không lấy được thông tin Dealer -> Trả về mã lỗi 404 + Thông báo "Dealer không tồn tại"

- Nếu danh sách SĐT truyền vào sai -> Trả về mã lỗi 2 + Thông báo "Danh chứa số điện thoại không hợp lệ (Chỉ số Viettel)" + Danh sách SĐT lỗi

- Nếu gọi WS lỗi -> Trả về mã lỗi Exception + Thông báo "Lỗi quản lý kết nối"

- 601 - Thuê bao ngoai mang, HOMEPHONE

- 602 - Thue bao DCOM

# API\_R017: Đăng ký dịch vụ - *(User Interface diagram)*

**URL**: /registryService

**Đầu vào:**

* Method: Post
* service\_code(String): mã dịch vụ
* token: Token

**Đầu ra:**

* errorCode(Int):

0 - Thành công

- Thất bại trả về mã lỗi và message do bên CORE quy định

* message(String): Thông báo lỗi

**Luồng phụ:**

- Nếu không lấy được thông tin Dealer -> Trả về mã lỗi 404 + Thông báo "Dealer không tồn tại"

- Nếu danh sách SĐT truyền vào sai -> Trả về mã lỗi 3 + Thông báo "Dealer không sử dụng số điện thoại của Viettel"

- Nếu gọi WS lỗi -> Trả về mã lỗi Exception + Thông báo "Lỗi quản lý kết nối"

- Nếu WS trả về mã lỗi != 0 -> Trả vè mã lỗi của WS + Thông báo "Đăng ký dịch vụ thất bại"

# API\_R018: Tải nội dung dịch vụ - *(Custom diagram)*

Thực hiện mua nội dung của dịch vụ (mua nhạc chờ, mua video)

**URL**: /buyContent

**Đầu vào:**

* Method: Post
* service\_type(String): Loại dịch vụ

0 – Bài hát

1 - Video

* service\_code(String): mã bài hát hoặc video
* token: Token

**Đầu ra:**

* errorCode(Int): mã lỗi trả về
* crbt\_code(Int): mã lỗi gốc của dịch vụ trả về
* message(String): Thông báo lỗi
* Chuỗi Json trả về: {“errorCode”:0,”message”:”thành công”}

**Luồng phụ:**

- Param truyền vào sai:

+ Nếu sai param dịch vụ trả về mã lỗi 1 + Thông báo "Sai dịch vụ"

- Nếu mã webservice trả về != 0 -> Trả về mã lỗi theo ws và thông báo "Lấy nội dung dịch vụ thất bại"

- Nếu mất kết nối tới dịch vụ nhạc chờ,video: mã lỗi: 510+ thông báo: "Lỗi quản lý kết nối"

- Nếu dealer chưa nhập số điện thoại hoặc không phải số viettel: mã lỗi 3 + Thông báo "Dealer không sử dụng số điện thoại của Viettel".

# API\_R019: Kiểm tra điều kiện thuê bao - *(Custom diagram)*

**Mô tả:**

Kiểm tra điều kiện sử dụng dịch vụ của thuê bao được mời.

**URL**api.php/checkSubscriber

**Method:** POST

**Đầu vào:**

* msisdn: SÐT cần nhận diện
* service\_code: mã dịch vụ
* token: token xác

example: https://IP:PORT/api.php/checksubcriber

**Đầu ra:**

* errorCode(Integer): mã lỗi trả về
* feature: đặc tính của số điện thoại có hõ trợ

0 - có hỗ trợ 3G

1 - có hỗ trợ 2G

2 - không nhận biết được thiết bị

* model: tên dòng thiết bị
* subcriber:

0 - đăng ký GPRS

1 - không đăng ký GPRS

2 - đăng ký 2G

3 - đăng ký 3G

4 - không nhận biết được loại subcriber.

* satifaction: 1 - có thể mời, 0 - không thể mời.
* errorMessage: Hiển thị thông báo lỗi tương ứng cho trường hợp không thể mời
* message(String): Thông báo lỗi

Chuỗi Json trả về: {“errorCode”: 0,"feature":1, model: "Nokia N72", "subcriber":2, stifiaction: 1, ”message”:”thành công” }

**Danh sách mã lỗi:**

=========================================================

**ErrorCode:**

------------------------------- Mã lỗi chung --------------------

401 – Unauthorized ( Xác thực thất bại )

403 – Forbidden ( Không có quyền truy cập)

440 – Token has expired (Token đã hết hạn)

405 – Method not allowed (Phương thức truy cập không hợp lệ)

408 – Request timeout (Sử dụng trong trường hợp call service core bị timeout)

410 – Wrong Parametter (Sử dụng trong trường hợp tham số truyền vào sai)

------------------------------- Mã lỗi riêng ----------------------

0000 - Success

0001 - MDM's server is busy

0002 - MDM time out

0003 - MDM request fail

0004 - HRL time out

0005 - HRL request fail

1000 - Số điện thoại không phải số Viettel

1001 - Dịch vụ không tồn tại

# API\_R020: Kiểm tra điều kiện với nhiều thuê bao - *(Custom diagram)*

**URL:** IP:PORT/api.php/checkMultiSubscriber

**Method:** POST

**Đầu vào:**

* msisdns: danh sách SÐT cần nhận diện cách nhau bởi dấu chấm phẩy (;)
* service\_code: mã dịch vụ.
* token: token xác thực

example: https://IP:PORT/api.php/checkMultiSubcriber

**Đầu ra:**

* errorCode(Integer): mã lỗi trả về
* data: array

Mỗi phần tử gồm các thông tin:

+ msisdn: SĐT cần kiểm tra

+ error:

. 0 - thành công

. 1 - không phải số viettel

. 2 - Thuê bao chưa đồng bộ (mặc định là thỏa mãn điều kiện dịch vụ)

+ feature: đặc tính của số điện thoại có hõ trợ

0 - có hỗ trợ 3G

1 - có hỗ trợ 2G

2 - không nhận biết được thiết bị

+model: tên dòng thiết bị

+ subscriber:

0 - đăng ký GPRS

1 - không đăng ký GPRS

2 - đăng ký 2G

3 - đăng ký 3G

4 - không nhận biết được loại subcriber.

+ satifaction: 1 - có thể mời, 0 - không thể mời.

+ errorMessage: message lỗi

* message(String): Thông báo lỗi

Chuỗi Json trả về:

{

"errorCode":0,

"data":[

{

"msisdn":"84968050820",

"error": 0,

"feature":1,

"model":"Nokia N72",

"subcriber":2,

"stifiaction":1,

"errorMessage":

},

{

"msisdn":"84968050821",

"error": 0,

"feature":1,

"model":"Nokia N72",

"subcriber":0,

"stifiaction":0

}

],

"message":"thành công"

}

**Danh sách mã lỗi:**

=========================================================

**ErrorCode:**

------------------------------- Mã lỗi chung --------------------

401 – Unauthorized ( Xác thực thất bại )

403 – Forbidden ( Không có quyền truy cập)

440 – Token has expired (Token đã hết hạn)

405 – Method not allowed (Phương thức truy cập không hợp lệ)

408 – Request timeout (Sử dụng trong trường hợp call service core bị timeout)

410 – Wrong Parametter (Sử dụng trong trường hợp tham số truyền vào sai)

------------------------------- Mã lỗi riêng ----------------------

0000 - Success

1000 - Số điện thoại không phải số Viettel

1001 - Dịch vụ không tồn tại

# API\_R021: Mời sử dụng app - *(User Interface diagram)*

**URL:** /inviteApp

**Đầu vào:**

* Method: POST
* token: mã xác nhận
* msisdns: Danh sách SĐT cách nhau bởi dấu ;

**Đầu ra:**

* errorCode(int)
* message(String): Thông báo lỗi
* data: array (danh sách số điện thoại lỗi)

Thông tin cần kiểm tra:

.msisdn: Số điện thoại

.error: mã lỗi

0 - đã thực hiện mời thành công

1 - số điện thoại không hợp lệ

2 - Thuê bao đã được mời bởi dealer.

3 - Thuê bao đã nhận quá X lời mời trong ngày.

4 - Thuê bao không được mời do dealer đã quá hạn mức mời.

.errorMessage: thông báo tương ứng.

VD: response

{

"errorCode":"0000",

"message":"Thực hiện mời thành công",

"data":[

{

"msisdn":"0968050820",

"error":3,

"errorMessage":"Thuê bao đã nhận quá 1 lời mời trong ngày."

},

{

"msisdn":"09680508201",

"error":4,

"errorMessage":"Thuê bao không được mời do dealer đã quá hạn mức mời."

}

]

}

**Danh sách mã lỗi:**

=========================================================

**ErrorCode:**

------------------------------- Mã lỗi chung --------------------

401 – Unauthorized ( Xác thực thất bại )

403 – Forbidden ( Không có quyền truy cập)

440 – Token has expired (Token đã hết hạn)

405 – Method not allowed (Phương thức truy cập không hợp lệ)

408 – Request timeout (Sử dụng trong trường hợp call service core bị timeout)

410 – Wrong Parametter (Sử dụng trong trường hợp tham số truyền vào sai)

------------------------------- Mã lỗi riêng ----------------------

0000 - Success

0001 - thất bại

1000 - Số điện thoại không phải số Viettel

1001 - Quá số thuê bao trong 1 lần mời

2000 - Dealer đã mời quá Y lần trong ngày.

# API\_R022: Danh sách mẫu tin nhắn - *(User Interface diagram)*

**URL**: /getSMSTemplate

**Đầu vào:**

* Method: get
* token: token
* service\_code: mã dịch vụ mời (mã dv đầu tiên trong trường hợp mời nhiều dv)

**Đầu ra:**

* errorCode(Integer): mã lỗi trả về
* message(String): Thông báo lỗi
* data:

- id(interger): mã template

- content(String): nội dung tin nhắn mẫu

* Chuỗi Json trả về: {“errorCode”:0,”message”:”thành công” ,”data”:[{”id”:”123”,”content”:”noi dung tin nhan mau”}] }

**Luồng phụ:**

- Nếu không lấy được thông tin Dealer -> Trả về mã lỗi 404 + Thông báo "Dealer không tồn tại"

- nếu không tìm thấy dịch vụ => trả về mã lỗi 1001 + thông báo: dịch vụ không tồn tại

- Nếu không tmif thấy template => trả về mã lỗi 1 + thông báo: 'Không tìm thấy template'